|  |  |
| --- | --- |
| **UỶ BAN NHÂN DÂN**  **HUYỆN SA THẦY** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập** - **Tự do** - **Hạnh phúc** |
| Số: 280/TTr-UBND | *Sa Thầy, ngày 05 tháng 12 năm 2017* |

TỜ TRÌNH

Về việc thông qua Kế hoạch quản lý, khai thác, sử dụng  
hệ thống thuỷ lợi, nước sinh hoạt giai đoạn 2016-2020

trên địa bàn huyện Sa Thầy

Kính gửi: Hội đồng nhân dân huyện Sa Thầy.

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 19/6/2015;

Căn cứ Pháp lệnh Khai thác vả bảo vệ công trình thủy lợi ngày 04/4/2001;

Căn cứ Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dựng nông thôn mới giai đoạn 2016 -2020;

Căn cứ Quyết định số 104/2000/QĐ-TTg ngày 25/8/2000 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược quốc gia về cấp nước sinh hoạt và vệ sinh nông thôn đến năm 2020;

Căn cứ Thông tư số 54/2013/TT-BTC ngày 04/5/2013 của Bộ Tài chính quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung;

Căn cứ Quyết định số 891/QĐ-UBND ngày 31/10/2013 của UBND tỉnh Kon Tum vê việc phê duyệt tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Sa Thầy đến năm 2020, định hướng đến năm 2025;

Căn cứ Quyết định số 482/QĐ-UBND ngày 01/7/2013 của UBND tỉnh Kon Tum về việc ban hành dự án quy hoạch thuỷ lợi tỉnh Kon Tum giai đoạn 2011-2020 và định hướng đến năm 2025;

Căn cử Quyết định số 1170/QĐ-UBND ngày 03/11/2014 của UBND tỉnh Kon Tum về việc ban hành kế hoạch chi tiết thực hiện Đề án tái cơ cấu ngành thuỷ lợi tỉnh Kon Tum;

Căn cứ Chỉ thị số 07/CT-UBND ngày 07/9/2017 của UBND tỉnh Kon Tum về việc tăng cường quản lý, nâng cao hiệu quả khai thác và sử dụng bền vững công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung;

Căn cứ Nghị quyết số 46/2016/NQ-HĐND ngày 20/12/2016 của HĐND huyện kỳ họp thứ 3 khóa X về việc thông qua Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh giai đoạn 2016-2020; Nghị quyết số 48/2016/NQ-HĐND ngày 20/12/2016 của HĐND huyện kỳ họp thứ 3 khóa X về việc phê duyệt kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 huyện Sa Thầy;

Căn cứ tình hình thực tế công tác quản lý, khai thác, sử dụng hệ thống thủy lợi, nước sinh hoạt trên địa bàn huyện, UBND huyện xây dựng Kế hoạch quản lý, khai thác, sử dụng hệ thống thuỷ lợi, nước sinh hoạt giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn huyện, với các nội dung sau:

I. Sự cần thiết ban hành kế hoạch

Trên địa bàn huyện có tổng số 58 công trình thủy lợi phục vụ nước tưới cho 1.252,6 ha cây trồng, trong đó phân cấp huyện quản lý 26 công trình, Ban quản lý khai thác các công trình thuỷ lợi tỉnh Kon Tum quản lý 32 công trình và 21 công trình cấp nước sinh hoạt tập trung.

Thời gian qua, việc đầu tư và đưa vào khai thác sử dụng hệ thống công trình thủy lợi, công trình cấp nước sinh hoạt tập trung đã phần nào đảm bảo đáp ứng nhu cầu về nước tưới phục vụ sản xuất và nước sinh hoạt cho nhân dân. Tuy nhiên, hiện nay nhiều công trình thủy lợi, công trình cấp nước sinh hoạt tập trung trên địa bàn huyện đã hư hỏng, xuống cấp, không còn phát huy được hiệu quả. Nguyên nhân là do các công trình đã được xây dựng từ lâu, nguồn kinh phí để duy tu bảo dưỡng còn gặp nhiều khó khăn; cùng với chịu ảnh hưởng của thiên tai, lũ bão dẫn đến công trình bị hư hỏng, xuống cấp. Công tác quản lý, vận hành còn tồn tại nhiều hạn chế, yếu kém nên chưa khai thác, sử dụng hiệu quả được công trình, nhất là các công trình cấp nước sinh hoạt tập trung.

Trước những diễn biến bất thường của thời tiết, thiên tai, hạn hán thường xuyên xảy ra thì việc quản lý, khai thác, sử dụng hiệu quả, bền vững các công trình thủy lợi, công trình cấp nước sinh hoạt tập trung nhằm đảm bảo nước tưới phục vụ sản xuất và sinh hoạt cho nhân dân là hết sức cần thiết.

II. Quá trình xây dựng dự thảo kế hoạch

Ngày 24/10/2017, UBND huyện có Công văn số 1506/UBND-TH giao Phòng NN&PTNT chủ trì tham mưu xây dựng Kế hoạch quản lý, khai thác, sử dụng hệ thống thuỷ lợi, nước sinh hoạt giai đoạn 2016-2020.

Thực hiện chỉ của UBND huyện, Phòng NN&PTNT đã xây dựng dự thảo Kế hoạch, dự thảo Tờ trình, Nghị quyết và gửi các cơ quan liên quan tham gia góp ý tại Công văn số 1635/UBND-TH ngày 21/11/2017.

Trên cơ sở ý kiến góp ý của các đơn vị, Phòng NN&PTNT đã tiếp thu chỉnh sửa, hoàn chỉnh dự thảo Kế hoạch, Tờ trình, Nghị quyết và chuẩn bị đầy đủ hồ sơ gửi Phòng Tư pháp thẩm định, thành phần hồ sơ theo quy định tại Điều 134 của Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật.

Trên cơ sở báo cáo thẩm định của Phòng Tư pháp, Phòng NN&PTNT đã tiếp thu, chỉnh lý một số nội dung theo đề nghị của Phòng Tư pháp và chuẩn bị đầy đủ hồ sơ, tham mưu UBND huyện trình Hội đồng nhân dân huyện, gồm:

- Tờ trình của UBND huyện về việc thông qua Kế hoạch quản lý, khai thác, sử dụng hệ thống thuỷ lợi, nước sinh hoạt giai đoạn 2016-2020;

- Dự thảo nghị quyết;

- Các văn bản góp ý của cơ quan, đơn vị;

- Báo cáo thẩm định của Phòng Tư pháp.

III. Bố cục và nội dung cơ bản của kế hoạch

1. Bố cục

Dự thảo Kế hoạch gồm 04 phần:

- Phần thứ nhất: Đánh giá hiện trạng công trình thuỷ lợi, nước sinh hoạt trên địa bàn huyện.

- Phần thứ hai: Căn cứ pháp lý để xây dựng kế hoạch.

- Phần thứ ba: Nội dung kế hoạch.

- Phần thứ tư: Tổ chức thực hiện.

2. Nội dung cơ bản của kế hoạch

*2.1.* *Mục tiêu*

*a. Mục tiêu chung*

Quản lý, khai thác, sử dụng bền vững, hiệu quả các công trình thuỷ lợi, nước sinh hoạt trên địa bàn, đáp ứng nhu cầu về nước tưới phục vụ sản xuất, sinh hoạt cho nhân dân, làm cơ sở để phát triển nông nghiệp bền vững, theo hướng hiện đại, góp phần phục vụ tái cơ cấu ngành nông nghiệp và phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn huyện.

Nâng cao năng lực phòng, chống thiên tai, đảm bảo an toàn cho công trình và chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu.

*b. Mục tiêu cụ thể*

Hoàn thiện hệ thống thủy lợi, nước sinh hoạt. Đến năm 2020 đảm bảo các công trình được khai thác, sử dụng hiệu quả, bền vững đáp ứng nhu cầu về nước tưới phục vụ sản xuất, sinh hoạt cho nhân dân.

Đầu tư nâng cấp, sửa chữa 41 công trình. Trong đó: năm 2016-2017 đã xây dựng, sửa chữa 15 công trình (07 công trình thuỷ lợi và 08 công trình nước sinh hoạt); giai đoạn 2018-2020 xây dựng, sửa chữa, nâng cấp 26 công trình *(*14 công trình thuỷ lợi và 12 công trình nước sinh hoạt).

100% các công trình thủy lợi, nước sinh hoạt đáp ứng yêu cầu phòng, chống thiên tai và đảm bảo an toàn hồ đập.

Góp phần nâng cao năng suất, chất lượng và phát triển sản xuất nông nghiệp có tưới theo hướng hiện đại, ưu tiên cho các cây trồng cạn chủ lực, phát triển thủy sản bền vững; đẩy mạnh cung cấp các dịch vụ có thu từ công trình thuỷ lợi, nước sinh hoạt, phát huy tối đa tiềm năng và năng lực của các công trình hiện có, đảm bảo tính bền vững của công trình.

*2.2. Nhiệm vụ và giải pháp*

*a. Tăng cường trách nhiệm quản lý nhà nưóc về thủy lợi, nước sinh hoạt*

Tăng cường quản lý quy hoạch, kế hoạch phát triển công trình thủy lợi, nước sinh hoạt trên địa bàn.

Tăng cường quản lý, bảo vệ các công trình thủy lợi; kiểm tra, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật về hành lang bảo vệ công trình thủy lợi, hành lang đê điều theo quy định.

Đẩy mạnh công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát trong lĩnh vực quản lý, khai thác công trình thủy lợi, nước sinh hoạt; xử lý nghiêm các tập thể, cá nhân thiếu tinh thần, trách nhiệm trong quản lý, vận hành.

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về thủy lợi; phát động phong trào toàn dân tham gia quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi, nước sinh hoạt. Phổ biến các mô hình quản lý, khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi, nước sinh hoạt tiên tiến, hiệu quả, bền vững để phát triển và nhân rộng.

*b. Kiện toàn hệ thống tổ chức quản lý và phát triển nguồn nhân lực*

Kiện toàn các tổ chức quản lý, khai thác công trình từ cấp huyện đến cấp xã; làm rõ trách nhiệm quản lý nhà nước, quản lý khai thác các công trình.

Rà soát, củng cố các Hợp tác xã, Tổ quản lý, điều tiết nước đảm bảo hoạt động hiệu quả; thành lập trên cơ sở tự nguyện, hợp tác, bình đẳng, hỗ trợ lẫn nhau, mang lại lợi ích cho nhau.

Căn cứ vào đặc thù của huyện và quy mô hệ thống công trình thủy lợi, cấp nước sinh hoạt, thành lập các mô hình tổ chức quản lý khác nhau nhằm phát triển bền vững thủy nông cơ sở, ưu tiên mô hình đặt hàng cho 01 doanh nghiệp để quản lý, vận hành và bảo dưỡng, sửa chữa thường xuyên các công trình thủy, cấp nước sinh hoạt trên địa bàn huyện.

Tổ chức đào tạo, nâng cao trình độ chuyên môn của các lực lượng tham gia công tác xây dựng, quản lý, khai thác các công trình thuỷ lợi theo quy định của Bộ Nông nghiệp & PTNT tại Thông tư số 40/201l/TT-BNN&PTNT ngày 25/7/2011. Đào tạo, tập huấn cho các tổ chức, cá nhân về quy trình quản lý, sửa chữa nhỏ công trình cấp nước sinh hoạt.

Triển khai tổ chức thực hiện nhiệm vụ đặt hàng, đấu thầu quản lý khai thác các công trình thuỷ lợi và thành lập các tổ quản lý các công trình cấp nước tiến tới thu tiền sử dụng nước theo qui định.

*c. Nâng cao hiệu quả hoạt động công trình thủy lợi, nước sinh hoạt*

Rà soát, kiểm tra cụ thể hiện trạng các công trình thuỷ lợi, cấp nước sinh hoạt để đưa ra giải pháp khắc phục tối ưu.

Tập trung đầu tư sửa chữa, nâng cấp để hoàn chỉnh hệ thống công trình thủy lợi, nước sinh hoạt hiện có, đặc biệt là hệ thống đã có công trình đầu mối, thiếu kênh mương các cấp và kênh nội đồng để có thể áp dụng phương thức canh tác tiên tiến, tiết kiệm nước và nâng cao hiệu quả công trình, đảm bảo an toàn hồ đập.

Nâng cấp, cải tạo cơ sở hạ tầng thủy lợi nội đồng gắn với xây dựng nông thôn mới để áp dụng các biện pháp canh tác tiên tiến cho lúa và công nghệ tưới tiên tiến, tiết kiệm nước cho cây trồng cạn chủ lực (cà phê, mía, cây ăn quả...) nhằm nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, giảm chi phí sản xuất, đáp ứng linh hoạt yêu cầu của thị trường, nâng cao thu nhập cho nông dân.

Ưu tiên bố trí kinh phí đầu tư các hạng mục công trình, trang thiết bị công nghệ tiên tiến để nâng cao năng lục cung cấp các dịch vụ có thu, như: cấp nước cho sinh hoạt, sản xuất công nghiệp, dịch vụ và các loại hình sản xuất nông nghiệp có giá trị gia tăng cao; tăng nguồn thu, giảm hỗ trợ từ ngân sách nhà nước, tạo động lực nâng cao hiệu quả quản lý khai thác công trình thủy lợi.

Chuyển đổi căn bản cơ chế hoạt động của công tác quản lý, khai thác từ cơ chế giao kế hoạch sang cơ chế đặt hàng theo định mức kinh tế kỹ thuật trong công tác quản lý khai thác công trình thủy lợi hoặc đấu thầu quản lý khai thác.

Tiếp tục đầu tư hoàn chỉnh hệ thống kênh mương, công trình trên kênh, đầu tư xây dựng mới hệ thống kênh mương để tăng tỷ lệ diện tích đất được cấp nước. Đầu tư xây dựng đồng bộ đầu mối, kênh chính, kênh nhánh và hệ thống kênh tưới, tiêu nội đồng kết hợp giao thông nông thôn.

Tiến hành rà soát, thanh lý các công trình cấp nước sinh hoạt đã hư hỏng, xuống cấp, không còn khả năng sử dụng.

*d. Nâng cao mức đảm bảo an toàn hồ đập*

Tăng cường quản lý nhà nước về an toàn đập, chú trọng từ giai đoạn quy hoạch, khảo sát, thiết kế, xây dựng và quản lý vận hành.

Tăng cường đảm bảo an toàn cho khu vực hạ lưu đập; tăng cường phối hợp liên ngành để dự báo, cảnh báo lũ, vận hành hồ chứa và phòng chống lũ cho vùng hạ lưu đập.

Đầu tư lập quy trình vận hành điều tiết các hồ chứa nước, xây dựng phương án phòng, chống lũ lụt cho vùng hạ du đập, kiểm định an toàn đập, cắm mốc chỉ giới xác định phạm vi bảo vệ công trình và lập phương án bảo vệ công trình thủy lợi.

Xây dựng kế hoạch, chương trình bản tin để tuyên truyền về công tác thuỷ lợi, nước sinh hoạt trên hệ thống truyền thanh huyện, phát thanh của xã. Tổ chức đi học hỏi trao đổi kinh nghiệm từ những mô hình thực tế có hiệu quả.

*e. Nâng cao năng lực phòng, chống thiên tai*

Tiếp tục thực hiện tốt các mục tiêu, nhiệm vụ trong phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai giai đoạn 2016-2020.

Xây dựng kế hoạch quản lý rủi ro thiên tai và kế hoạch quản lý lũ trên các lưu vực sông, suối. Ưu tiên thực hiện một số nhiệm vụ trọng tâm sau:

- Nâng cao năng lực cho Ban chỉ huy Phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn các cấp trên địa bàn huyện.

- Nâng cao nhận thức và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng, tăng cường thực hiện phương châm “4 tại chỗ”, đẩy mạnh thực hiện Đề án “Nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng” đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1083/QĐ-UBND ngày 16/9/2009.

- Xây dựng các công trình, hệ thống quan trắc cảnh báo lũ trên các lưu vực sông, suối để phục vụ công tác cảnh báo sớm nhằm giảm thiểu thiệt hại đến thấp nhất về sản xuất nông nghiệp, tài sản, tính mạng của nhân dân và tài sản nhà nước.

*f. Về khoa học công nghệ*

Ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, hướng dẫn thiết kế phục vụ hoàn chỉnh hệ thống thủy lợi nội đồng, lắp đặt hệ thống tưới tiêu tiết kiệm nước; nghiên cứu chuyển giao công nghệ sản xuất, chế tạo các thiết bị cho xây dựng thủy lợi gắn với giao thông nội đồng để có thể áp dụng phương pháp canh tác nông nghiệp tiên tiến, đáp ứng yêu cầu chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi theo quy hoạch tái cơ cấu của từng vùng, từng hệ thống.

Hướng dẫn các tổ chức quản lý thủy nông cơ sở, người dân phương pháp tưới tiên tiến, tiết kiệm nước kết hợp các biện pháp canh tác khoa học.

Nghiên cứu đề xuất mô hình tổ chức thủy nông cơ sở phù hợp với từng địa phương và giải pháp để phát triển bền vững, hiệu quả.

*2.3. Kinh phí thực hiện*

Tổng kinh phí thực hiện: 279.078 triệu đồng. Trong đó:

- Kinh phí đã thực hiện trong năm 2016-2017 là 83.518 triệu đồng, gồm:

+ Thuỷ lợi: 74.944 triệu đồng/07 công trình (kinh phí hỗ trợ của Tập đoàn Điện lực, ngân sách tỉnh là 72.000 triệu đồng; kinh phí sự nghiệp giao thông, thuỷ lợi 600 triệu đổng; kinh phí hạn hán 716 triệu đồng; kinh phí dự án giảm nghèo Tây Nguyên 1.628 triệu đồng).

+ Nước sinh hoạt: 8.574 triệu đồng/08 công trình (kinh phí nước sạch và VSMT, giảm nghèo bền vững là 3.500 triệu đồng; kinh phí hạn hán 1.514 triệu đồng; kinh phí dự án giảm nghèo Tây Nguyên là 3.560 triệu đồng).

- Kinh phí giai đoạn 2018-2020 là 195.560 triệu đồng, gồm:

+ Xây dựng mới là 123.080 triệu đồng/10 công trình (kinh phí hỗ trợ các dự án cấp bách, ngân sách tỉnh là 112.000 triệu đồng; kinh phí đề án dân tộc Rơ Mâm 5.000 triệu đồng; kinh phí chương trình mở rộng nước sạch và vệ sinh 1.300 triệu đồng; kinh phí dự án giảm nghèo Tây Nguyên 3.430 triệu đồng; 02 công trình cấp bách 1.350 triệu đồng).

+ Sửa chữa nâng cấp là 72.480 triệu đồng/16 công trình (kinh phí WB8 do Ban quản lý khai thác các công trình thuỷ lợi tỉnh thực hiện 52.500 triệu đồng; kinh phí đề án dân tộc Rơ Mâm 9.500 triệu đồng; kinh phí chương trình mở rộng nước sạch và vệ sinh 8.080 triệu đồng; kinh phí sự nghiệp giao thông, thuỷ lợi 2.400 triệu đồng).

(Có Biểu 01, 02, 03 kèm theo)

Ủy ban nhân dân huyện kính trình Hội đồng nhân dân huyện xem xét, thông qua tại kỳ họp thứ 5, HĐND huyện khóa X, nhiệm kỳ 2016-2021 để UBND huyện triển khai thực hiện./.

|  |  |
| --- | --- |
| ***Nơi nhận***:  - Như trên;  - Lưu: VT-LT. | **TM. UỶ BAN NHÂN DÂN**  **KT. CHỦ TỊCH**  **PHÓ CHỦ TỊCH**  **(Đã ký)**  **Nguyễn Hữu Thạnh** |

|  |  |
| --- | --- |
| **UỶ BAN NHÂN DÂN**  **HUYỆN SA THẦY** | **CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  **Độc lập** - **Tự do** - **Hạnh phúc** |

KẾ HOẠCH

Quản lý, khai thác, sử dụng hệ thống thuỷ lợi, nước sinh hoạt

giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn huyện Sa Thầy

I. Hiện trạng công trình thủy lợi, nước sinh hoạt trên địa bàn huyện

1. Thủy lợi

Tổng số công trình thuỷ lợi trên địa bản huyện là 58 công trình phục vụ nước tưới cho 1.252,6 ha cây trồng, gồm: lúa nước 969,4 ha (02 vụ), cây công nghiệp 185,8 ha, rau màu 97,3 ha. Trong đó: huyện quản lý 26 công trình phục vụ tưới cho 186 ha lúa nước (vụ mùa 93 ha, đông xuân 93 ha); Ban quản lý khai thác các công trình thuỷ lợi tỉnh Kon Tum quản lý 32 công trình phục vụ nước tưới cho 1.066,6 ha cây trồng, gồm: lúa nước 783,4 ha; cây công nghiệp là 158,5 ha; rau màu 97,3 ha (theo Quyết định số 1008/QĐ-UBND ngày 06/9/2016 của UBND tỉnh Kon Tum về việc điều chỉnh danh mục các công trình thuỷ lợi trên địa bàn tỉnh Kon Tum theo tiêu chí phân cấp).

Nhiều công trình thủy lợi trên địa bàn huyện đã được xây dựng từ lâu, sau nhiều năm khai thác, sử dụng hiện nay bị hư hỏng, xuống cấp, bồi lắng. Do ngân sách huyện còn gặp nhiều khó khăn chưa đảm bảo cân đối, bố trí kinh phí duy tu sửa chữa thường xuyên nên một số công trình không phát được tác dụng và chuyển sang hoạt động như các tràn dâng. Bên cạnh đó thiên tai, bão lụt thường xuyên xảy ra cũng là nguyên nhân dẫn đến nhiều công trình thủy lợi trên địa bàn bị hư hỏng.

Hiện nay, một sô công trình quy mô không còn phù hợp cần nâng cấp, mở rộng; nhiều vùng trong huyện chưa có công trình thủy lợi, thiếu nước sản xuất.

**2. Nước sinh hoạt**

Tổng số cấp nước sinh hoạt tập trung trên địa bàn huyện là 21 công trình, trong đó:

- Công trình hoạt động bền vững là 06 công trình (Cấp nước sinh hoạt thôn Bình Loong, Bình Nam xã Sa Bình; Đắk Yo, K’ Bay xã Hơ Moong; cấp nước sinh hoạt làng Kà Đừ, Kleng thị trấn Sa Thầy).

- Công trình hoạt động trung bình là 04 công trình (Cấp nước sinh hoạt làng KTu, Đăk Wớk xã Hơ Moong; cấp nước sinh hoạt thôn Nhơn Bình xã Sa Nhơn; cấp nước sinh hoạt làng Rắc xã Ya Xiêr).

- Công trình ngừng hoạt động là 10 công trình (Cấp nước sinh hoạt làng Khúc Na xã Sa Bình; cấp nước sinh hoạt thôn Nhơn Lý xã Sa Nhơn; cấp nước sinh hoạt thôn Barđgốc xã Sa Sơn; cấp nước sinh hoạt làng Khúc Loong xã Rờ Kơi; cấp nước sinh hoạt làng Rẽ, làng Kênh xã Mô Rai; cấp nước sinh hoạt thôn 1, 2, 3 xã Ya Xỉêr; cấp nước sình hoạt làng Trấp, Điệp Lốc xã Ya Tăng; cấp nước sinh hoạt làng Tum, làng Chờ xã Ya Ly).

- Công trình đang xây dựng, sửa chữa dở dang là 01 công trình (cấp nước sinh làng Đắk Đê, Rờ Kơi xã Rờ Kơi).

Hầu hết các công trình cấp nước tập trung trên địa bàn huyện sau khi đầu tư xây dựng xong thì bàn giao cho UBND các xã, thị trấn quản lý, sử dụng. UBND các xã thành lập các Tổ quản lý do thôn trưởng các thôn có công trình làm tổ trưởng để trực tiếp quản lý, vận hành và tiến hành khắc phục các hư hỏng nhỏ. Tuy nhiên, do đa số các Tổ quản lý đều chưa qua đào tạo chuyên ngành nên công tác quản lý còn nhiều hạn chế.

Hiện tại, nhiều công trình cấp nước tập trung trên địa bàn huyện đã hư hỏng, xuống cấp. Nguyên nhân là do các công trình đã được đầu tư xây dựng từ rất lâu, kinh phí để duy tu bảo dưỡng hàng năm ít và thường xuyên chịu ảnh hưởng của thiên tai.

II. Căn cứ pháp lý xây dựng Kế hoạch

Pháp lệnh Khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi ngày 04/4/2001**;**

Nghị quyết số 26-NQ/TW ngày 05/8/2008 của Ban chấp hành Trung ương về nông nghiệp, nông dân, nông thôn;

Quyết định số 1600/QĐ-TTg ngày 16/8/2016 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chương trình mục tiêu quốc gia xây dưng nông thôn mới giai đoạn 2016 -2020;

Quyết định số 104/2000/QĐ-TTg ngày 25/8/2000 của Thủ tướng Chính phủ về việc phê duyệt Chiến lược quốc gia về cấp nước sinh hoạt và vệ sinh nông thôn đến năm 2020;

Thông tư số 54/2013/TT-BTC ngày 04/5/2013 của Bộ Tài chính về việc Quy định việc quản lý, sử dụng và khai thác công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung;

Quyết định số 891/QĐ-UBND ngày 31/10/2013 của UBND tỉnh Kon Tum về việc phê duyệt tổng thể phát triển kinh tế - xã hội huyện Sa Thầy đến năm 2020, định hướng đến năm 2025;

Quyết định số 482/QĐ-UBND ngày 01/7/2013 của UBND tỉnh Kon Tum về việc dự án quy hoạch thuỷ lợi tỉnh Kon Tum giai đoạn 2011-2020 và định hướng đến năm 2025;

Quyết định số 1170/QĐ-UBND ngày 03/11/2014 của UBND tỉnh Kon Tum về kế hoạch chi tiết thực hiện Đề án Tái cơ cấu ngành thuỷ lợi tỉnh Kon Tum;

Chỉ thị số 07/CT-UBND ngày 07/9/2017 của UBND tỉnh Kon Tum về việc tăng cường quản lý, nâng cao hiệu quả khai thác và sử dụng bền vững công trình cấp nước sạch nông thôn tập trung;

Nghị quyết số 01-NQ/ĐH ngày 11/8/2015 Đại hội Đảng bộ huyện lần thứ XVI nhiệm kỳ 2015-2020;

Nghị quyết số 46/2016/NQ-HĐND ngày 20/12/2016 của HĐND huyện kỳ họp thứ 3 khóa X về việc thông qua Kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội, quốc phòng, an ninh giai đoạn 2016-2020; Nghị quyết số 48/2016/NQ-HĐND ngày 20/12/2016 của HĐND huyện kỳ họp thứ 3 khóa X về việc phê duyệt kế hoạch đầu tư công trung hạn giai đoạn 2016-2020 huyện Sa Thầy;

Căn cứ tình hình thực tế công tác quản lý, khai thác, sử dụng hệ thống thủy lợi, nước sinh hoạt trên địa bàn huyện.

III. Nội dung Kế hoạch

1. Mục tiêu

*1.1. Mục tiêu chung*

Quản lý, khai thác, sử dụng bền vững, hiệu quả các công trình thuỷ lợi, nước sinh hoạt trên địa bàn, đáp ứng nhu cầu về nước tưới phục vụ sản xuất, sinh hoạt cho nhân dân, làm cơ sở để phát triển nông nghiệp bền vững, theo hướng hiện đại, góp phần phục vụ tái cơ cấu ngành nông nghiệp và phát triển kinh tế - xã hội trên địa bàn huyện.

Nâng cao năng lực phòng, chống thiên tai, đảm bảo an toàn cho công trình và chủ động ứng phó với biến đổi khí hậu.

*1.2. Mục tiêu cụ thể*

Hoàn thiện hệ thống thủy lợi, nước sinh hoạt. Đến năm 2020 đảm bảo các công trình được khai thác, sử dụng hiệu quả, bền vững đáp ứng nhu cầu về nước tưới phục vụ sản xuất, sinh hoạt cho nhân dân.

Đầu tư nâng cấp, sửa chữa 41 công trình. Trong đó: năm 2016-2017 đã xây dựng, sửa chữa 15 công trình (07 công trình thuỷ lợi và 08 công trình nước sinh hoạt); giai đoạn 2018-2020 xây dựng, sửa chữa, nâng cấp 26 công trình *(14* công trình thuỷ lợi và 12 công trình nước sinh hoạt).

100% các công trình thủy lợi, nước sinh hoạt đáp ứng yêu cầu phòng, chống thiên tai và đảm bảo an toàn hồ đập.

Góp phần nâng cao năng suất, chất lượng và phát triển sản xuất nông nghiệp có tưới theo hướng hiện đại, ưu tiên cho các cây trồng cạn chủ lực, phát triển thủy sản bền vững; đẩy mạnh cung cấp các dịch vụ có thu từ công trình thuỷ lợi, nước sinh hoạt, phát huy tối đa tiềm năng và năng lực của các công trình hiện có đảm bảo tính bền vững của công trình.

2. Nhiệm vụ và giái pháp

*2.1. Tăng cường trách nhiệm quản lý nhà nưóc về thủy lợi, nước sinh hoạt*

Tăng cường quản lý quy hoạch, kế hoạch phát triển công trình thủy lợi, nước sinh hoạt trên địa bàn.

Tăng cường quản lý, bảo vệ các công trình thủy lợi; kiểm tra, xử lý nghiêm các hành vi vi phạm pháp luật về hành lang bảo vệ công trình thủy lợi, hành lang đê điều theo quy định.

Đẩy mạnh công tác thanh tra, kiểm tra, giám sát trong lĩnh vực quản lý, khai thác công trình thủy lợi, nước sinh hoạt; xử lý nghiêm các tập thể, cá nhân thiếu tinh thần, trách nhiệm trong quản lý, vận hành.

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, phổ biến, giáo dục pháp luật về thủy lợi; phát động phong trào toàn dân tham gia quản lý khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi, nước sinh hoạt. Phổ biến các mô hình quản lý khai thác và bảo vệ công trình thủy lợi, nước sinh hoạt tiên tiến, hiệu quả, bền vững để phát triển và nhân rộng.

*2.2. Kiện toàn hệ thống tổ chức quản lý và phát triển nguồn nhân lực*

Kiện toàn các tổ chức quản lý, khai thác công trình từ cấp huyện đến cấp xã; làm rõ trách nhiệm quản lý nhà nước, quản lý khai thác các công trình:

- Cấp huyện: Đảm bảo biên chế có trình độ chuyên môn về thủy lợi cho cơ quan quản lý nhà nước cấp huyện.

- Đối với cấp xã: Tổ chức sắp xếp, bố trí 01 cán bộ có trình độ tối thiểu trung cấp thuỷ lợi để quản lý các lĩnh vực thủy lợi, phòng, chống lụt bão và giảm nhẹ thiên tai, cấp nước sinh hoạt và vệ sinh môi trường nông thôn.

Rà soát, củng cố các Hợp tác xã, Tổ quản lý, điều tiết nước đảm bảo hoạt động hiệu quả; thành lập trên cơ sở tự nguyện, hợp tác, bình đẳng, hỗ trợ lẫn nhau, mang lại lợi ích cho nhau.

Căn cứ vào đặc thù của huyện và quy mô hệ thống công trình thủy lợi, cấp nước sinh hoạt, thành lập các mô hình tổ chức quản lý khác nhau nhằm phát triển bền vững thủy nông cơ sở, ưu tiên mô hình đặt hàng cho 01 doanh nghiệp để quản lý, vận hành và bảo dưỡng, sửa chữa thường xuyên các công trình thủy, cấp nước sinh hoạt trên địa bàn huyện.

Tổ chức đào tạo, nâng cao trình độ chuyên môn của các lực lượng tham gia công tác xây dựng, quản lý, khai thác các công trình thuỷ lợi theo quy định của Bộ Nông nghiệp &PTNT tại Thông tư số 40/201 l/TT-BNN&PTNT ngày 25/7/2011. Đào tạo, tập huấn cho các tổ chức, cá nhân về quy trình quản lý, sửa chữa nhỏ công trình cấp nước sinh hoạt.

Triển khai tổ chức thực hiện nhiệm vụ đặt hàng, đấu thầu quản lý khai thác các công trình thuỷ lợi và thành lập các tổ quản lý các công trình cấp nước tiến tới thu tiền sử dụng nước theo qui định.

*2.3. Nâng cao hiệu quả hoạt động công trình thủy lợi, nước sinh hoạt*

Rà soát, kiểm tra cụ thể hiện trạng các công trình thuỷ lợi, cấp nước sinh hoạt để đưa ra giải pháp khắc phục tối ưu.

Tập trung đầu tư sửa chữa, nâng cấp để hoàn chỉnh hệ thống công trình thủy lợi, nước sinh hoạt hiện có, đặc biệt là hệ thống đã có công trình đầu mối, thiếu kênh mương các cấp và kênh nội đồng để có thể áp dụng phương thức canh tác tiên tiến, tiết kiệm nước và nâng cao hiệu quả công trình, đảm bảo an toàn hồ đập.

Nâng cấp, cải tạo cơ sở hạ tầng thủy lợi nội đồng gắn với xây dựng nông thôn mới để áp dụng các biện pháp canh tác tiên tiến cho lúa và công nghệ tưới tiên tiến, tiết kiệm nước cho cây trồng cạn chủ lực (cà phê, mía, cây ăn quả...*)* nhằm nâng cao năng suất, chất lượng sản phẩm, giảm chi phí sản xuất, đáp ứng linh hoạt yêu cầu của thị trường, nâng cao thu nhập cho nông dân.

Ưu tiên bố trí kinh phí đầu tư các hạng mục công trình, trang thiết bị công nghệ tiên tiến để nâng cao năng lực cung cấp các dịch vụ có thu, như: cấp nước cho sinh hoạt, sản xuất công nghiệp, dịch vụ và các loại hình sản xuất nông nghiệp có giá trị gia tăng cao; tăng nguồn thu, giảm hỗ trợ từ ngân sách nhà nước, tạo động lực nâng cao hiệu quả quản lý khai thác công trình thủy lợi.

Chuyển đổi căn bản cơ chế hoạt động của công tác quản lý, khai thác từ cơ chế giao kế hoạch sang cơ chế đặt hàng theo định mức kinh tế kỹ thuật trong công tác quản lý khai thác công trình thủy lợi hoặc đấu thầu quản lý khai thác.

Tiếp tục đầu tư hoàn chỉnh hệ thống kênh mương, công trình trên kênh, đầu tư xây dựng mới hệ thống kênh mương để tăng tỷ lệ diện tích đất được cấp nước. Đầu tư xây dựng đồng bộ đầu mối, kênh chính, kênh nhánh và hệ thống kênh tưới, tiêu nội đồng kết hợp giao thông nông thôn.

Tiến hành rà soát, thanh lý các công trình cấp nước sinh hoạt đã hư hỏng, xuống cấp, không còn khả năng sử dụng.

*2.4. Nâng cao mức đảm bảo an toàn hồ đập*

Tăng cường quản lý nhà nước về an toàn đập, chú trọng từ giai đoạn quy hoạch, khảo sát, thiết kế, xây dựng và quản lý vận hành.

Tăng cường đảm bảo an toàn cho khu vực hạ lưu đập: tăng cường phối hợp liên ngành để dự báo, cảnh báo lũ, vận hành hồ chứa và phòng chống lũ cho vùng hạ lưu đập.

Đầu tư lập quy trình vận hành điều tiết các hồ chứa nước, xây dựng phương án phòng, chống lũ lụt cho vùng hạ du đập, kiểm định an toàn đập, cắm mốc chỉ giới xác định phạm vi bảo vệ công trình và lập phương án bảo vệ công trình thủy lợi.

Xây dựng kế hoạch, chương trình bản tin để tuyên truyền về công tác thuỷ lợi, nước sinh hoạt trên hệ thống truyền thanh huyện, phát thanh của xã. Tổ chức đi học hỏi trao đổi kinh nghiệm từ những mô hình thực tế có hiệu quả.

*2.5. Nâng cao năng lực phòng, chống thiên tai*

Tiếp tục thực hiện tốt các mục tiêu, nhiệm vụ trong phòng, chống và giảm nhẹ thiên tai giai đoạn 2016-2020

Xây dựng kế hoạch quản lý rủi ro thiên tai và kế hoạch quản lý lũ trên các lưu vực sông, suối. Ưu tiên thực hiện một sô nhiệm vụ trọng tâm sau:

- Nâng cao năng lực cho Ban chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn các cấp trên địa bàn huyện.

- Nâng cao nhận thức và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng, tăng cường thực hiện phương châm “4 tại chỗ”, đẩy mạnh thực hiện Đề án “Nâng cao nhận thức cộng đồng và quản lý rủi ro thiên tai dựa vào cộng đồng” đã được UBND tỉnh phê duyệt tại Quyết định số 1083/QĐ-UBND ngày 16/9/2009.

- Xây dựng các công trình, hệ thống quan trắc cảnh báo lũ trên các lưu vực sông, suối để phục vụ công tác cảnh báo sớm nhằm giảm thiểu thiệt hại đến thấp nhất về sản xuất nông nghiệp, tài sản, tính mạng của nhân dân và tài sản nhà nước.

*2.6. Về khoa học công nghệ*

Ứng dụng tiến bộ khoa học kỹ thuật, hướng dẫn thiết kế phục vụ hoàn chỉnh hệ thống thủy lợi nội đồng, lắp đặt hệ thống tưới tiêu tiết kiệm nước; nghiên cứu chuyển giao công nghệ sản xuất, chế tạo các thiết bị cho xây dựng thủy lợi gắn với giao thông nội đồng để có thể áp dụng phương pháp canh tác nông nghiệp tiên tiến, đáp ứng yêu cầu chuyển dịch cơ cấu cây trồng, vật nuôi theo quy hoạch tái cơ cấu của từng vùng, từng hệ thống.

Hướng dẫn các tổ chức quản lý thủy nông cơ sở, người dân phương pháp tưới tiên tiến, tiết kiệm nước kết hợp các biện pháp canh tác khoa học.

Nghiên cứu đề xuất mô hình tổ chức thủy nông cơ sở phù hợp với từng địa phương và giải pháp để phát triển bền vững, hiệu quả.

3. Kinh phí thực hiện

Tổng kinh phí thực hiện: 279.078 triệu đồng. Trong đó:

- Kinh phí đã thực hiện trong năm 2016-2017 là 83.518 triệu đồng, gồm:

+ Thuỷ lợi: 74.944 triệu đồng/07 công trình *(kinh phí hỗ trợ của Tập đoàn Điện lực, ngân sách tỉnh là 72.000 triệu đồng; kinh phí sự nghiệp giao thông, thuỷ lợi 600 triệu đổng; kinh phí hạn hán 716 triệu đồng; kinh phí dự án giảm nghèo Tây Nguyên 1.628 triệu đồng).*

+ Nước sinh hoạt: 8.574 triệu đồng/08 công trình *(kinh phí nước sạch và VSMT, giảm nghèo bền vững là 3.500 triệu đồng; kinh phí hạn hán 1.514 triệu đồng; kinh phí dự án giảm nghèo Tây Nguyên là 3.560 triệu đồng).*

- Kinh phí giai đoạn 2018-2020 là 195.560 triệu đồng, gồm:

+ Xây dựng mới là 123.080 triệu đồng/10 công trình (kinh phí hỗ trợ các dự án cấp bách, ngân sách tỉnh là 112.000 triệu đồng; kinh phí đề án dân tộc Rơ Mâm 5.000 triệu đồng; kinh phí chương trình mở rộng nước sạch và vệ sinh 1.300 triệu đồng; kinh phí dự án giảm nghèo Tây Nguyên 3.430 triệu đồng; 02 công trình cấp bách 1.350 triệu đồng).

+ Sửa chữa nâng cấp là 72.480 triệu đồng/16 công trình (kinh phí WB8 do Ban quản lý khai thác các công trình thuỷ lợi tỉnh thực hiện 52.500 triệu đồng; kinh phí đề án dân tộc Rơ Mâm 9.500 triệu đồng; kinh phí chương trình mở rộng nước sạch và vệ sinh 8.080 triệu đồng; kinh phí sự nghiệp giao thông, thuỷ lợi 2.400 triệu đồng).

*(Có Biểu 01, 02, 03 kèm theo)*

**IV. Tổ chức thực hiện**

**1. Phòng Nông nghiệp & PTNT**

Chủ trì, phối hợp với các đơn vị liên quan tham mưu triển khai các nội dung của kế hoạch; thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước về hệ thống thủy lợi, nước sinh hoạt.

Chủ trì, phối hợp với UBND các xã, thị trấn rà soát, đề xuất sửa chữa, nâng cấp, xây dựng các công trình thủy lợi, nước sinh hoạt để nâng cao năng lực cho công trình, đáp ứng nhu cầu về nước tưới phục vụ sản xuất và nước sinh hoạt cho nhân dân; đảm bảo an toàn hồ đập và thích ứng với biến đổi khí hậu. Đồng thời tham mưu thanh lý các công trình đã hư hỏng, xuống cấp, không còn khả năng sử dụng.

Hướng dẫn nhân dân áp dụng các biện pháp tưới tiết kiệm nước, tiên tiến nhằm nâng cao hiệu quả hoạt động của công trình.

Định kỳ tổng hợp, tham mưu sơ kết, tổng kết kế hoạch theo quy định.

**2. Phòng Tài chính - Kế hoạch**

Chủ trì, phối hợp với Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và các đơn vị có liên quan tham mưu cân đối, bố trí nguồn kinh phí và lồng ghép từ các chương trình, dự án để cải tạo, nâng cấp, sửa chữa, xây dựng các công trình thủy lợi, nước sinh hoạt trên địa bàn huyện.

3. Trạm Quản **lý** Thủy nông

Tăng cường quản lý đối với các công trình thủy lợi thuộc phân cấp quản lý.

Có kế hoạch cải tạo, sửa chữa, nâng cấp nhằm nâng cao năng lực tưới, đảm bảo nước phục vụ sản xuất cho nhân dân, thích ứng với biến đổi khí hậu và đảm bảo an toàn hồ đập.

4. Ủy ban nhân dân các xã, thị trấn

Hàng năm, xây dựng kế hoạch quản lý, khai thác, sử dụng hệ thống thủy lợi và nước sinh hoạt được giao quản lý trên địa bàn.

Triển khai thành lập và quản lý hoạt động các Tổ chức dùng nước trên địa bàn; phối hợp với ngành chức năng thực hiện chương trình đào tạo nâng cao năng lực cho các Tổ chức dùng nước và bàn giao cống đầu kênh cho các Tổ chức dùng nước quản lý.

Đẩy mạnh công tác tuyên truyền, vận động nhân dân tích cực tham gia công tác quản lý, bảo vệ các công trình thủy lợi trên địa bàn.

Tăng cường công tác kiểm tra, xử lý nghiêm theo thẩm quyền các hành vi vi phạm hành lang bảo vệ công trình thủy lợi, đề điều theo quy định của pháp luật.

Định kỳ (hàng tháng, quý, 6 tháng và năm) báo cáo tình hình kết quả thực hiện gửi về UBND huyện (qua Phòng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn*)* theo quy định.

Trên đây là kế hoạch quản lý, khai thác, sử dụng hệ thống thủy lợi, nước sinh hoạt giai đoạn 2016-2020 trên địa bàn huyện Sa Thầy./.